

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg
ngày tháng 9 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 369/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; xây dựng lộ trình tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, dự án nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của quy hoạch đã đề ra.

b) Xác định cụ thể tiến độ và nguồn lực thực hiện các chương trình, dự án để xây dựng các chính sách, giải pháp nhằm thu hút các nguồn lực xã hội trong việc thực hiện quy hoạch; đẩy mạnh việc chuyển đổi và phát triển của các ngành, các tiểu vùng, các địa phương trong vùng theo quy hoạch đã được phê duyệt.

c) Thiết lập khung kết quả thực hiện theo từng giai đoạn làm cơ sở để rà soát, đánh giá việc thực hiện quy hoạch; xem xét điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp để đạt được mục tiêu phát triển đã đề ra.

2. Yêu cầu

a) Đảm bảo tính tuân thủ, tính kế thừa các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt; đảm bảo tính liên kết, thống nhất, không chồng lấn, mâu thuẫn giữa các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các ngành, các địa phương.

b) Đảm bảo tính khả thi, linh hoạt, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và bối cảnh hội nhập quốc tế.

c) Huy động tối đa các nguồn lực và sự tham gia của các thành phần kinh tế để vùng trung du và miền núi phía Bắc trở thành vùng phát triển nhanh và bền vững, trong đó đặc biệt chú trọng đầu tư phát triển các ngành kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

d) Phân bổ nguồn lực có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng huy động nguồn vốn; kết hợp hài hòa giữa các nguồn lực, đầu tư công có tính dẫn dắt tăng trưởng nguồn vốn đầu tư xã hội để tạo ra sự phát triển đột phá, thúc đẩy quá trình chuyển đổi mô hình phát triển của các ngành, lĩnh vực, vùng lãnh thổ và địa phương theo hướng giá trị cao và hiệu quả cao.

đ) Đề cao tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt của các địa phương trong triển khai thực hiện; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho các địa phương đầu tư kết cấu hạ tầng, đặc biệt là các công trình hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, cảng hàng không, sân bay, cấp nước, giáo dục, y tế.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH

1. Các nhóm nhiệm vụ trọng tâm

a) Tập trung phát triển kết cấu hạ tầng, ưu tiên phát triển hệ thống giao thông kết nối với Thủ đô Hà Nội, vùng đồng bằng sông Hồng, tiểu vùng Bắc Trung Bộ và với Trung Quốc, Lào; trước hết tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông để phát triển các hành lang kinh tế gắn với thành phố Hà Nội và vùng đồng bằng sông Hồng như Hà Nội - Bắc Giang - Lạng Sơn - Cao Bằng, Hà Nội - Hòa Bình - Sơn La - Điện Biên, Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, Hà Nội - Thái Nguyên - Bắc Kạn, Hà Nội - Tuyên Quang - Hà Giang, Phú Thọ - Vĩnh Phúc - Hà Nội - Hưng Yên - Hải Dương - Hải Phòng, Hà Nội - Phú Thọ - Tuyên Quang - Bắc Kạn - Cao Bằng. Đẩy nhanh tiến độ, chuẩn bị và khởi công xây dựng các tuyến đường sắt tốc độ cao Lạng Sơn - Hà Nội, Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Xây dựng, nâng cấp hạ tầng logistics, hạ tầng các khu kinh tế cửa khẩu, các khu du lịch, hạ tầng thông tin, truyền thông và hạ tầng kinh tế số.

- Giai đoạn 2021 - 2025:

+ Về đường bộ, hoàn thành các tuyến đường bộ cao tốc, tiền cao tốc, gồm: Hữu Nghị - Chi Lăng, Tuyên Quang - Phú Thọ, Chợ Mới - Bắc Kạn, Tuyên Quang - Hà Giang và tuyến nối Lai Châu với cao tốc Nội Bài - Lào Cai; tập trung đầu tư nâng cấp một số đoạn ưu tiên trên các đường vành đai 1 (quốc lộ 4), vành đai 2 (quốc lộ 279) và vành đai 3 (quốc lộ 37) và một số tuyến như quốc lộ 2, quốc lộ 2C, quốc lộ 3B, quốc lộ 6, quốc lộ 12, quốc lộ 15, quốc lộ 31, quốc lộ 32C...

+ Về hàng không, đầu tư cảng hàng không Sa Pa theo hình thức đối tác công tư (PPP); đầu tư nâng cấp cảng hàng không Điện Biên.

+ Về đường sắt, cải tạo, nâng cấp các ga hàng hoá để khai thác hiệu quả các tuyến đường sắt hiện có; đầu tư kết nối tại cửa khẩu quốc tế Lào Cai.

+ Về đường thủy, đầu tư nạo vét luồng lạch tại các điểm nghẽn hạ tầng trên sông Hồng để kết nối thuận lợi về Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh; thu hút đầu tư ngoài ngân sách vào các cảng cạn tại Lào Cai, Phú Thọ, Lạng Sơn, Cao Bằng; nâng cao hiệu quả khai thác vận tải thủy trên các lòng hồ thủy điện trong vùng.

- Giai đoạn 2026 - 2030

+ Về đường bộ, hoàn thành các tuyến đường bộ cao tốc, tiền cao tốc, gồm: Đồng Đăng - Trà Lĩnh; Hoà Bình - Mộc Châu - Sơn La, Đèo Hùng - Chợ Bến; vành đai 5 qua địa bàn tỉnh Thái Nguyên và Bắc Giang; tuyến nối Hà Giang với cao tốc Nội Bài - Lào Cai; mở rộng theo quy hoạch một số tuyến cao tốc phân kỳ đầu tư (Yên Bái - Lào Cai, Hòa Lạc - Hòa Bình...).

+ Về hàng không, nghiên cứu, kêu gọi đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) hoặc các hình thức đầu tư khác đối với các cảng hàng không trong vùng như: Nà Sản, Lai Châu với phương châm đẩy mạnh phân cấp cho các địa phương là cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

+ Về đường sắt, đầu tư tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, nghiên cứu đầu tư tuyến đường sắt Hà Nội - Đồng Đăng.

+ Về đường thủy nội địa, đầu tư nâng cấp tuyến vận tải thủy Việt Trì - Yên Bái - Lào Cai; tiếp tục nâng cao hiệu quả khai thác vận tải thủy trên các lòng hồ thủy điện trong vùng.

b) Tập trung phát triển khu vực động lực, các cực tăng trưởng, các hành lang kinh tế quan trọng, các ngành kinh tế có lợi thế. Phát triển vành đai công nghiệp - đô thị - dịch vụ, hình thành các cụm liên kết ngành, các chuỗi sản phẩm của vùng tập trung chủ yếu tại Bắc Giang - Thái Nguyên - Phú Thọ - Hòa Bình; các chuỗi giá trị ngành, sản phẩm của vùng như trung tâm sản xuất điện, điện tử, cơ khí chế tạo trình độ cao tại Thái Nguyên và Bắc Giang, trung tâm chế biến sản phẩm nông nghiệp tại Sơn La, trung tâm sản xuất và chế biến gỗ tại Tuyên Quang, trung tâm kết nối giao thương kinh tế giữa Việt Nam và các nước ASEAN với vùng Tây Nam Trung Quốc tại Lào Cai. Phát triển các cực tăng trưởng của vùng tại Thái Nguyên, Bắc Giang, Lào Cai, Sơn La, Lạng Sơn, Phú Thọ. Đẩy mạnh phát triển các chuỗi sản phẩm nông nghiệp, du lịch đặc trưng và kinh tế cửa khẩu.

Tập trung phát triển hệ thống 05 khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn gồm: Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, tỉnh Hà Giang; khu kinh tế cửa khẩu Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng, tỉnh Lai Châu; khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Trong đó, ưu tiên tập trung đầu tư, hoàn thiện và hiện đại hóa kết cấu hạ tầng tại khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng, khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai. Phát triển 3 cửa

khẩu áp dụng chính sách khu kinh tế cửa khẩu biên giới gồm: Cửa khẩu quốc tế Lóng Sập, tỉnh Sơn La; cửa khẩu Chiềng Khương, tỉnh Sơn La; cửa khẩu quốc tế Tây Trang, tỉnh Điện Biên. Nghiên cứu khả năng hình thành khu kinh tế cửa khẩu tại cửa khẩu U Ma Tu Khoàng, tỉnh Lai Châu.

c) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là giáo dục nghề cho đồng bào dân tộc thiểu số, đáp ứng với nhu cầu của từng tiểu vùng, từng khu vực; chú trọng thu hút, sử dụng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực có trình độ tại chỗ. Thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030 gắn với đẩy mạnh thông tin thị trường lao động. Xây dựng và thực hiện có hiệu quả chính sách quản lý lao động và bảo hiểm thất nghiệp.

- Phát triển Thái Nguyên là khu vực nghiên cứu - đào tạo, phát triển nhân lực chất lượng cao cho toàn vùng. Từng bước chuẩn bị điều kiện để phát triển Trường Đại học Tây Bắc (Sơn La) thành cơ sở giáo dục đại học trọng điểm của vùng; Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang (Bắc Giang); Trường Đại học Hùng Vương (Phú Thọ) thành cơ sở giáo dục đại học trọng điểm của tiểu vùng khi có điều kiện về nguồn vốn, trong đó ưu tiên đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao, nghiên cứu - quảng bá - bảo tồn văn hóa, lịch sử và lối sống của cộng đồng dân tộc. Nghiên cứu tiềm năng phát triển các trường đại học cấp tiểu vùng tại Điện Biên và Lai Châu.

- Đầu tư một số trường thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao, ưu tiên tại khu vực động lực phát triển của vùng.

- Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có uy tín tham gia đầu tư phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp, liên kết đào tạo nhân lực có chất lượng cao.

d) Tăng cường liên kết nội vùng, liên vùng và hợp tác quốc tế. Thực hiện thí điểm một số mô hình, cơ chế, chính sách mới, đặc thù trong phát triển vùng, đặc biệt là đối với các địa bàn, khu vực giữ vai trò quan trọng về bảo vệ rừng, an ninh biên giới, an ninh nguồn nước, an ninh năng lượng. Bảo vệ nghiêm ngặt nước đầu nguồn, thực hiện thí điểm cơ chế chia sẻ nguồn nước giữa các ngành trong vùng, giữa vùng với vùng đồng bằng sông Hồng; nâng cao năng lực thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường cho các tỉnh vùng trung du và miền núi phía Bắc từ nay đến năm 2030. Đầu tư xây dựng các công trình tạo nguồn cấp nước, chuyển nước quy mô liên vùng, liên tỉnh, trong đó ưu tiên:

- Nâng cấp hệ thống thủy lợi Pá Khoang - Nậm Rốm (Điện Biên); hệ thống thủy lợi Cầu Sơn - Cẩm Sơn (Bắc Giang); hệ thống thủy lợi Thác Huống (Thái Nguyên); hệ thống thủy lợi Núi Cốc (Thái Nguyên).

- Xây mới hồ Nà Lạnh (Bắc Giang) tiếp nguồn cho các hồ chứa hiện có và bổ sung nguồn nước cho vùng Lục Ngạn - Bắc Giang; hồ Nghinh Tường (Thái Nguyên) cấp nước và tiếp nguồn cho hệ thống sông Cầu; hồ Thượng Tiến

(Hòa Bình); hồ Phiêng Lú (Lai Châu); hệ thống trữ và cấp nước cho cao nguyên Mộc Châu; hệ thống dẫn nước, chuyển nước thừa từ hồ Cẩm Sơn sang hồ Khuôn Thần.

- Bảo vệ, duy trì và cải tạo các trục tiêu bị bồi lấp, ách tắc để cải thiện khả năng tiêu tự chảy; bổ sung các công trình tiêu bằng động lực để tăng khả năng tiêu thoát cho các đô thị trong vùng; cải tạo các trạm bơm tiêu ra sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam (Thái Nguyên, Bắc Giang). Đầu tư nâng cấp, hoàn thiện hệ thống đê sông (Hòa Bình, Phú Thọ, Thái Nguyên, Bắc Giang, Tuyên Quang, Yên Bái).

- Đầu tư đổi mới hệ thống dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, thiên tai và biến đổi khí hậu vùng. Xây dựng thí điểm một số mô hình quản lý rừng bền vững dựa vào cộng đồng. Nghiên cứu cơ chế phân bổ nguồn thu dịch vụ môi trường rừng. Cụ thể:

+ Ưu tiên bảo vệ và phát triển rừng, nhất là bảo vệ và phục hồi rừng tự nhiên, rừng phòng hộ xung yếu, rừng đầu nguồn tại các tỉnh Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai và Tuyên Quang.

+ Đối với rừng đặc dụng: Tăng cường duy trì ổn định các vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài và sinh cảnh và khu bảo vệ cảnh quan có giá trị đa dạng sinh học cao; bảo tồn các hệ sinh thái rừng nhiệt đới núi cao và nguồn gen động thực vật rừng quý hiếm; nâng cao chất lượng rừng đặc dụng tại các tỉnh Sơn La, Lào Cai, Hà Giang, Điện Biên, Tuyên Quang, Lai Châu để hình thành các hành lang kết nối với các khu rừng phòng hộ.

+ Đối với rừng phòng hộ: Tập trung xây dựng và củng cố hệ thống rừng phòng hộ đầu nguồn các hệ thống sông, nhất là các khu rừng phòng hộ đầu nguồn theo các bậc thang thủy điện trên sông Đà và sông Mã. Khoanh vùng và bảo vệ các khu rừng phòng hộ đầu nguồn lưu vực sông Đà, sông Hồng, sông Lô, sông Gâm, sông Mã, các công trình thủy điện - thủy lợi lớn như Hòa Bình, Lai Châu, Thác Bà, Na Hang và Sơn La. Duy trì, bảo vệ các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo vệ cảnh quan tại Mường Tè - Mường Nhé, Điện Biên - Sơn La, Hoàng Liên Sơn, vùng núi chiến khu Việt Bắc phục vụ nghiên cứu khoa học và du lịch sinh thái.

+ Đối với rừng sản xuất: Phát triển trồng rừng nguyên liệu, các mô hình nông, lâm kết hợp, trồng và khai thác bền vững lâm sản ngoài gỗ; phát triển lâm nghiệp cộng đồng và lâm nghiệp đô thị; tăng cường các hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học, các dịch vụ môi trường rừng, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng.

đ) Triển khai đồng bộ các giải pháp thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố, tăng cường thế trận quân sự trong khu vực phòng thủ; quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trên địa bàn vùng. Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân về phát

triển kinh tế - xã hội phải kết hợp chặt chẽ với bảo đảm quốc phòng, an ninh và xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân. Tuyên truyền vận động người dân tuân thủ các quy định của Nhà nước trong sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo. Tăng cường giáo dục quốc phòng, an ninh, xây dựng cơ sở vững mạnh, toàn diện, góp phần xây dựng thế trận lòng dân vững chắc.

e) Đánh giá thực hiện các mục tiêu quy hoạch

Các bộ, cơ quan ngang bộ chịu trách nhiệm đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch vùng đề ra (chi tiết tại Phụ lục I).

2. Triển khai các dự án quan trọng của vùng

a) Dự kiến triển khai các dự án quan trọng của vùng sử dụng vốn đầu tư công

- Việc triển khai các dự án phải đảm bảo nguyên tắc:

+ Phù hợp với các định hướng phát triển của đất nước, quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển vùng trung du và miền núi phía Bắc tại Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ để thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-TW.

+ Là các dự án quan trọng đã được xác định trong Quy hoạch vùng; các dự án phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia trên địa bàn vùng.

- Dự kiến các dự án quan trọng cần ưu tiên thực hiện:

+ Ưu tiên cao nhất cho việc đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án kết cấu hạ tầng kỹ thuật có tính kết nối liên vùng, liên tỉnh, gồm: Hệ thống giao thông kết nối; phát triển nguồn điện, lưới điện; hạ tầng thủy lợi, cấp, thoát nước, phòng chống thiên tai; hạ tầng kỹ thuật đô thị tại các khu vực động lực đã được xác định trong Quy hoạch vùng.

+ Tiếp tục đầu tư hoàn thiện các dự án hạ tầng xã hội cấp vùng mang tính lan tỏa, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, gắn với đảm bảo an sinh xã hội và củng cố quốc phòng, an ninh trên địa bàn vùng.

b) Dự kiến dự án quan trọng của vùng sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công

- Việc triển khai các dự án phải đảm bảo nguyên tắc:

+ Phù hợp với các định hướng phát triển của đất nước, quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển vùng trung du và miền núi Bắc Bộ tại Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ để thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-TW.

+ Phù hợp với quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển trong các quy hoạch cấp quốc gia và định hướng phát triển vùng trung du và miền núi phía Bắc.

- Loại hình dự án quan trọng dự kiến ưu tiên:

+ Thu hút triển khai các dự án quan trọng nhằm khắc phục những hạn chế, yếu kém, những “điểm nghẽn” trong phát triển của vùng ở giai đoạn vừa qua, tập trung vào các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trọng tâm là các dự án hạ tầng giao thông, hạ tầng các khu kinh tế cửa khẩu, khu nông nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp. Ưu tiên các dự án gắn với phát triển các hành lang kinh tế, vành đai công nghiệp - đô thị - dịch vụ, vùng động lực trên địa bàn vùng; các dự án gắn với giải quyết các nhiệm vụ trọng tâm đã đề ra trong quy hoạch.

+ Các dự án mang lại lợi ích tích cực về kinh tế - xã hội, mang tính đòn bẩy, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng của vùng. Quan tâm đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ kết nối các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn với những khu vực có vai trò động lực của vùng.

+ Dự án có công nghệ hiện đại, kết nối đồng bộ với các công trình hạ tầng cấp quốc gia trên địa bàn vùng nhằm phát huy hiệu quả của hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

c) Danh mục các dự án quan trọng của vùng dự kiến triển khai

Danh mục các dự án quan trọng của vùng dự kiến triển khai (chi tiết tại Phụ lục II).

3. Kế hoạch sử dụng đất

Căn cứ vào Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia, Kế hoạch sử dụng đất của các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương thời kỳ 2021 - 2030 đã được cấp có thẩm quyền ban hành, các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương trong vùng có trách nhiệm triển khai các chương trình, dự án trên địa bàn vùng phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền giao, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

4. Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù

Các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương có trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù đã được xác định trong Quy hoạch vùng, trình cấp có thẩm quyền ban hành để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng (chi tiết tại Phụ lục III).

5. Danh mục các quy hoạch hết hiệu lực

Danh mục các quy hoạch trên địa bàn vùng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành trung ương hết hiệu lực, trong đó có các quy hoạch đã được tích hợp vào Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc theo Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ (chi tiết tại Phụ lục IV).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hội đồng điều phối vùng trung du và miền núi phía Bắc

a) Giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo điều phối, đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình, dự án, các hoạt động liên kết vùng bảo đảm tổ chức thực hiện đồng bộ, nhất quán và hiệu quả Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp thực hiện Quy hoạch vùng, cơ chế điều phối, liên kết vùng trình cấp có thẩm quyền ban hành.

c) Huy động nguồn lực trong nước, quốc tế, điều phối việc sử dụng nguồn vốn đầu tư công, kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm đối với các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án để triển khai thực hiện quy hoạch vùng; hoạt động xúc tiến đầu tư chung của vùng.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Công bố Kế hoạch thực hiện Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tới các cơ quan, tổ chức liên quan, nhà đầu tư, đối tác phát triển trong nước và quốc tế nhằm huy động nguồn lực thực hiện các mục tiêu quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương có liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo định kỳ hằng năm và 05 năm về kết quả thực hiện Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan

- Tổ chức lập, thẩm định, góp ý kiến quy hoạch đô thị, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn vùng theo chức năng quản lý, đảm bảo cụ thể hóa, thống nhất, đồng bộ với quy hoạch cấp quốc gia, Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt.

- Chủ trì phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương trong vùng triển khai các chương trình, dự án đã được xác định tại Quy hoạch vùng và Kế hoạch thực hiện quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo chức năng quản lý.

- Ưu tiên nguồn lực và tập trung triển khai các chương trình, dự án về giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, bảo vệ tài nguyên, môi trường trên địa bàn vùng, góp phần giải quyết an sinh xã hội, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa đa dạng, đặc sắc của vùng.

- Đánh giá thực hiện các quy hoạch thuộc phạm vi quản lý; phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư đánh giá thực hiện Quy hoạch vùng hàng năm, 05 năm theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

c) Các địa phương vùng trung du và miền núi phía Bắc

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các cấp chính quyền và người dân hiểu đúng và đầy đủ về nội dung Quy hoạch vùng và Kế hoạch thực hiện quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc.

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện quy hoạch ngay sau khi quy hoạch tỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt gắn với việc triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm, Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm và Kế hoạch đầu tư công hằng năm của địa phương.

- Chủ trì phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ trong việc xây dựng phương án phân bổ, khoanh vùng đất đai cho các chương trình, dự án; chủ trì thực hiện việc giải phóng mặt bằng để thực hiện các chương trình, dự án trên địa bàn theo chức năng quản lý.

- Trường hợp cần thiết, rà soát trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch tỉnh bảo đảm phù hợp với Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 369/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024.

- Phối hợp và triển khai đồng bộ các dự án có tính chất liên vùng, liên tỉnh thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các bộ, cơ quan ngang bộ và các địa phương trong vùng trung du và miền núi phía Bắc gửi báo cáo về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.